

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2022

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Trung Thống.

Ông Trần Anh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Hồ Xuân M, sinh năm: 2001 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: khóm a, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh N, sinh năm: 1996 (*Có mặt*).

Địa chỉ: ấp b, xã AT, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 14-3-2021, bản tự khai ngày 09-3-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Hồ Xuân M trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh N đi đến hôn nhân do tự quen nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới vào tháng 3 năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT vào ngày 01-4-2019. Vàng nữ trang cưới có 05 chỉ vàng 24K gồm đôi bông tai 01 chỉ, một sợi dây chuyền 02 chỉ, một tấm lắc 02 chỉ, nhưng quá trình chung sống vợ chồng đã thống nhất bán hết để sử dụng chung nên hiện không còn. Sau ngày cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến khi con chung chào đời, giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh N không quan tâm đến vợ con, vợ chồng bắt đầu có dấu hiệu mất hòa thuận, thường xuyên cãi

với nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nên từ giữa tháng 11 năm 2020, vợ chồng đã tự sống ly thân nhau cho đến nay mà không hàn gắn lại được. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, nên chị khởi kiện xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Minh N có một con chung là cháu Nguyễn Bùi Thiện Nh, sinh ngày 22-6-2019, sống chung với chị từ lúc mới sinh cho đến nay. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi con. Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi, nhưng quá trình giải quyết vụ án chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nữa, vì suốt thời gian dài sống ly thân với anh N, chị vẫn đủ khả năng để nuôi tốt con chung.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị xác định chị và anh Nguyễn Minh N quá trình chung sống không tạo lập tài sản chung, hiện nay không nợ ai, cũng không ai nợ chị và anh N, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị không nộp thêm chứng cứ cho Tòa án, không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Bùi Hồ Xuân M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

* *Đối với bị đơn anh Nguyễn Minh N*: Từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng anh Nhật đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Qua xác minh với ông Nguyễn Thanh P - cha ruột của anh N và với chính quyền địa phương ấp b, xã AT, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho biết anh N có hộ khẩu thường trú chung ông P tại địa phương, nhưng anh N đi làm thuê ở xa, hiện nay không có mặt ở địa phương; Ông P xác nhận có giao gửi các văn bản tố tụng và thông báo cho anh N biết việc Tòa án triệu tập anh N đến Tòa để giải quyết vụ án ly hôn với chị Bùi Hồ Xuân M, nhưng do anh N bận đi làm nên không đến Tòa được.

Tại phiên tòa hôm nay, anh N có mặt, thống nhất xác định anh và chị Bùi Hồ Xuân M đi đến hôn nhân do tự quen nhau, cưới vào năm 2019, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nữ trang ngày cưới thống nhất như chị M đã trình bày, nhưng anh xác định chỉ bán tám lắc để vợ chồng sử dụng chung, còn lại đôi bông tai và sợi dây chuyền thì chị M vẫn đang quản lý. Về thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc, anh xác định được một năm rưỡi kể từ sau ngày cưới. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Nay chị M xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý. Về con chung: Thống nhất sau khi ly hôn, con chung là cháu Nguyễn Bùi Thiện Nh, sinh ngày 22-6-2019 giao cho chị M nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đối với vàng nữ trang cưới anh không tranh chấp, ngoài ra không còn tài sản chung nào khác. Về nợ chung: Anh thống nhất xác định không có. Anh không cung cấp tài liệu chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét, không thuộc diện gia đình chính sách nào.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự,

đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn còn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Hồ Xuân M: Cho chị M được ly hôn với anh Nguyễn Minh N; Về con chung là Nguyễn Bùi Thiện Nh, sinh ngày 22-6-2019 giao cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị M không có yêu cầu, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; Về tài sản chung: Chị M và anh N không tranh chấp, không yêu cầu, nên không xem xét; Về nợ chung: Chị M và anh N cùng xác định không có, nên không xem xét. Ngoài ra, Vị đề nghị nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Bùi Hồ Xuân M là nguyên đơn, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M theo luật định.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Bùi Hồ Xuân M và anh Nguyễn Minh N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT vào ngày 01-4-2019, nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một năm rưỡi thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến anh chị tự ý sống ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2020 cho đến hôm nay mà không hàn gắn lại được. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên chị M yêu cầu ly hôn với anh N. Đối với anh N biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án chị M yêu cầu ly hôn với anh, nhưng anh không đến Tòa quá trình được mời làm việc, không thể hiện mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị M. Đến tại phiên tòa hôm nay, anh N mới có mặt, anh đồng ý ly hôn với chị M, không nộp chứng cứ gì để Tòa án xem xét.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”, nhưng chị M, anh N đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, anh chị mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Theo các Biên bản xác minh cùng ngày 15-6-2022 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp b - xã AT, với người thân của anh N cho biết: Sau ngày cưới, chị M, anh N sống chung bên quê của anh N tại ấp b - xã AT - huyện C, tuy không biết cụ thể mâu thuẫn trong cuộc sống chung giữa hai anh chị, nhưng có biết giữa vợ chồng chị M, anh N có xảy ra mâu thuẫn với nhau, anh N bỏ nhà đi làm thuê ở xa, chị M bỏ về ở bên nhà mẹ ruột và họ đã sống ly thân nhau hai năm nay. Về tài sản chung hay nợ chung thì tại địa phương ấp 3A - xã An Trường không ai tranh chấp hay khiếu nại gì đối với chị M, anh N. Do chị M, anh N đã sống ly thân thời gian dài mà không hàn gắn lại được, nên đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

[5] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải vào các ngày 09-3-2022, 25-3-2022 để chị M, anh N có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng anh N đều vắng mặt không lý do.

[6] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng chị M, anh N đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Bùi Hồ Xuân M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên Tòa án chấp nhận yêu cầu, cho chị M được ly hôn với anh N.

[7] *Về con chung*: Chị Bùi Hồ Xuân M và anh Nguyễn Minh N có một người con chung tên Nguyễn Bùi Thiện Nh, sinh ngày 22-6-2019, hiện đang sống chung với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được quyền nuôi con. Tại các Biên bản xác minh cùng ngày 15-6-2022 của Tòa án với người thân của anh N và với chính quyền địa phương ấp b - xã AT đều cho biết trong thời gian chị M, anh N sống ly thân thì con chung do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, anh N đồng ý sau khi ly hôn giao con cho chị M nuôi dưỡng. Nên cần xử cho chị M được quyền nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật. Do chị M chưa yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng chị Bùi Hồ Xuân M và anh Nguyễn Minh N chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] *Về nợ chung*: Do chị Bùi Hồ Xuân M và anh Nguyễn Minh N cùng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[10] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Bùi Hồ Xuân M có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[11] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Hồ Xuân M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Hồ Xuân M được ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Bùi Thiện Nh, sinh ngày 22-6-2019 cho chị Bùi Hồ Xuân M tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Hồ Xuân M và anh Nguyễn Minh N chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Hồ Xuân M và anh Nguyễn Minh N chưa có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Bùi Hồ Xuân M và anh Nguyễn Minh N thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Bùi Hồ Xuân M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0008481 ngày 09-02-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã AT;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo